

Bản án số: 72/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 241/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018, về việc “ Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số 79C, khu dân cư ấp T 2, xã Q, huyện H, tỉnh L.

2.*Bị đơn:* Anh Đặng Văn L, sinh năm: 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 79C, khu dân cư ấp H 2, xã Q, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Qua quen biết, vào tháng 01 năm 2000 chị và anh L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, được Ủy ban nhân dân xã Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01 ngày 18/9/2000. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường xuyên ăn nhậu, không lo cho vợ con, một mình chị phải lo cho cả gia đình. Từ đó dẫn đến cự cãi, có lúc anh L còn đánh chị, chị có trình báo với cán bộ ở

ấp mời anh L đến để giải quyết nhiều lần, nhưng anh L không thay đổi, vì các con nên chị cố chịu đựng, đến nay không thể chịu được nữa, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được. Chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Chí T, sinh ngày 03/10/2000 và Đặng Thị Kim N, sinh ngày 31/10/2003, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết không có thiếu nợ ai trong thời kỳ hôn nhân, nếu có chị cam kết trả nợ theo quy định của pháp luật.

-Bị đơn anh Đặng Văn L trình bày: Qua quen biết anh và chị M tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Q, huyện H, tỉnh L. Vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc, công việc của anh là làm thợ hồ, anh thừa nhận trong thời gian không có việc làm khoảng 01 tháng anh có nhậu nhẹt, không làm ra tiền, nhưng trước đây khi làm có tiền anh cũng đưa cho chị M. Anh hứa sẽ thay đổi để lo cho vợ con, anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Chí T, sinh ngày 03/10/2000 và Đặng Thị Kim N, sinh ngày 31/10/2003. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, tùy theo nguyện vọng của 02 con, nếu ở với chị M thì chị M nuôi ở với anh thì anh nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh cam kết không có thiếu nợ ai trong thời kỳ hôn nhân, nếu có anh cam kết trả nợ theo quy định của pháp luật.

-Tại phiên tòa chị M trình bày: Anh L thường xuyên ăn nhậu không lo cho cuộc sống gia đình, về nhà kiếm chuyện với vợ con, có lúc còn dùng vũ lực đối với chị, chị không có hạnh phúc khi sống cùng anh L, tình cảm vợ chồng không còn. Chị yêu cầu ly hôn với anh L và yêu cầu nuôi 02 con. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 18 tháng 9 năm 2000. Do đó hôn nhân của chị M và anh L là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị M và anh L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống cũng hạnh phúc. Nhưng đến năm 2016 tình cảm của anh chị có những bất đồng, nguyên nhân do anh L thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho gia đình, mâu thuẫn ngày càng nhiều, có lần

anh L còn dùng vũ lực đối với chị M, chị cũng cho anh L cơ hội để sửa chữa nhưng anh L không thay đổi. Hiện tại chị M và anh L đã ly thân nhiều tháng nay, chị M đã về nhà cha mẹ ruột ở. Anh L cũng đến nhà yêu cầu chị M về để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị M không đồng ý. Cho thấy tình cảm của chị M đối với anh L không còn.

Xét, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, vun vén cho hạnh phúc gia đình. Nhưng mâu thuẫn của chị M và anh L đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị M vẫn bảo lưu ý kiến là được ly hôn với anh L. Cho thấy việc chị M yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị M yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu T và cháu N. Ý kiến của anh L là tùy vào nguyện vọng của 02 con. Trong quá trình giải quyết ý kiến của cháu T và N có nguyện vọng được ở với chị M. Do đó nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị M.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc chị Mai phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Đặng Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Chí T, sinh ngày 03/10/2000 và Đặng Thị Kim N, sinh ngày 31/10/2003 cho chị Nguyễn Thị Tuyết M nuôi dưỡng. Anh L có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001573 ngày 25/5/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Ủy ban nhân dân xã Q-LH-VL
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng